



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2

1. Tên mẫu/Name of sample		Nước sạch CN sản xuất nước Cẩm Thượng							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer		CT09.2.2.2: Nước bể chứa CN Cẩm Thượng, P. Thành Đông, Tp. Hải Phòng. CT09.2.3.5: Nước vòi số 6 ngõ 44 Trần Công Hiến, P. Thành Đông, Tp. Hải Phòng. CT09.2.3.6: Nước vòi số 42 Quang Trung, P. Hải Dương, Tp. Hải Phòng. CT09.2.3.7: Nước vòi số 25 Trần Thủ Độ, P. Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Phòng. CT09.2.3.8: Nước vòi số 21 Đào Duy Từ, P. Tân Hưng, Tp. Hải Phòng.							
3. Mô tả mẫu/Description		Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving		15/9/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler		Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff		Lê Thị Mai Phương							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time		15/9/2025 ÷ 22/9/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result									
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result				
					CT 09.2.2.2	CT 09.2.3.5	CT 09.2.3.6	CT 09.2.3.7	CT 09.2.3.8
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0	0	0
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	CM Clo	CM Clo	CM Clo	CM Clo	CM Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,09	7,10	7,08	7,06	7,06

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm /
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm /
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu /
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Tên chỉ tiêu <i>Parameters</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả <i>Result</i>				
				CT 09.2.2.2	CT 09.2.3.5	CT 09.2.3.6	CT 09.2.3.7	CT 09.2.3.8
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	114	116	116	118	116
Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,55	0,5	0,5	0,5	0,5
Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2017	NTU	2	0,12	0,13	0,16	0,18	0,14
Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,16	0,16	0,16	0,16
Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2	14,2
Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	92	93	93	93	93
Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,034	0,014	0,014	0,013	0,037
Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,7	1,7	1,8	1,8	1,7
Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,004	0,005	0,005
Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	5	6	6	6	6

kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
result are valid for the submitted sample(s) only.
ng được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result				
					CT 09.2.2.2	CT 09.2.3.5	CT 09.2.3.6	CT 09.2.3.7	CT 09.2.3.8
15	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06	0,05	0,05	0,06	0,06
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	82,5	82,5	82,5	82,5	82,5
17	Coliform (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
18	Ecoli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH – Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Mai Phương

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025.



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, thị trấn Phố Mới, Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch công ty CP cấp nước Xuân Hưng					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	XH.TEC09.5: Nước TEC tòa H1-CC Lighthouse - KĐT Ecorivers XH.TEC09.6: Nước TEC tòa H2-CC Lighthouse - KĐT Ecorivers					
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - Đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/09/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/ Testing staff	Lê Thị Mai Phương					
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/09/2025 ÷ 22/09/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					XH.TEC 09.5	XH.TEC 09.6
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	2
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi , vị lạ	KCMVL	KCMVL
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,23	7,33
4	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,2	0,2
5	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,23	0,37

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
Dấu (-) là không có đơn vị tính.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lemp

Huu

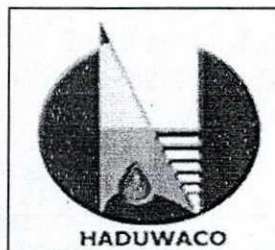


Lê Thị Mai Phương

Đặng Hữu Dũng

Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI PHÒNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch KCC Tuệ Tĩnh, P. Thành Đông, Tp. Hải Phòng					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	NBC8T: Nước bể chứa tòa nhà 8 tầng NBC16T: Nước bể chứa tòa nhà 16 tầng					
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - Đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/09/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/ Testing staff	Lê Thị Mai Phương					
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	15/09/2025 ÷ 22/09/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					NBC8T	NBC16T
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	KCMVL	KCMVL
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,11	7,08
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	118	118
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,2	0,2
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,22	0,26
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16
8	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2
9	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	93	93
10	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,012	0,036
11	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Tp Hải Phòng.
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					NBC8T	NBC16T
12	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8	1,8
13	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,004
14	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	7	8
15	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,09	0,07
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	82,5	82,5
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
 Dấu (-) là không có đơn vị tính;
 Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 KPH – Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01 :2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Mai Phương

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ *The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch công ty CP cấp nước Xuân Hưng							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	XH09.1: Nước bể chứa ngầm tầng hầm H1&H2 chung cư Lighthouse – KĐT Ecorivers – P. Tân Hưng XH09.2: Nước vòi hộ khách hàng tòa H1 chung cư Lighthouse – căn 2306 XH09.3: Nước vòi hộ khách hàng tòa H2 chung cư Lighthouse – căn 2306 XH09.4: Nước vòi mạng tiêu thụ số 54 Tổ Hữu – KĐT Ecorivers – P. Tân Hưng							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/09/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Lê Thị Mai Phương							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/09/2025 ÷ 22/09/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					XH09.1	XH09.2	XH09.3	XH09.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0	0
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	KCMVL	KCMVL	KCMVL	KCMVL
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	6,99	7,09	7,06	6,96

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm /
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm /
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu /
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					XH09.1	XH09.2	XH09.3	XH09.4
4	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,2	0,2	0,2	0,5
5	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,15	0,17	0,17	0,19
6	Coliform (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Ecoli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Mai

Lê Thị Mai Phương

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Đặng Hữu Dũng



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Dương
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Chi nhánh KDNS số 1 - Trạm Việt Hòa						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	VH09.2.2.2: Bể chứa VH09.2.3.1: Mẫu mạng Thôn Phú An - Phường Việt Hòa VH09.2.3.2: Mẫu mạng Khu Thống Nhất - Phường Tứ Minh						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/9/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/9/2025÷30/9/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					VH09.2.2.2	VH09.2.3.1	VH09.2.3.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	1	1
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,38	7,40	7,41

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Dương
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					VH09.2.2.2	VH09.2.3.1	VH09.2.3.2
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	125	126	126
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,8	0,2	0,2
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,28	0,42	0,38
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,08	0,08
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	90	90	90
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,01	0,02	0,02
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,3	1,3	1,3
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,003	0,003	0,003

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Dương
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					VH09.2.2.2	VH09.2.3.1	VH09.2.3.2
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	5	5	5
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp;



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Dương
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Minh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1.	Khu công nghiệp Đại An – Mạng Chi nhánh KDNS số 1							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	VH09.2.3.3: Nước vòi CÔNG TY TNHH KEFICO VIỆT NAM VH09.2.3.4: Nước vòi trước khi vào bể chứa CÔNG TY TNHH MTV MASAN HD VH09.2.3.5: Nước vòi CÔNG TY TNHH LAURELTON DIAMONDS VIỆT NAM VH09.2.3.6: Nước vòi ĐỘI DUY TU - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI AN							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/9/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/9/2025÷30/9/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					VH09.2.3.3	VH09.2.3.4	VH09.2.3.5	VH09.2.3.6
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1	0
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					VH09.2.3.3	VH09.2.3.4	VH09.2.3.5	VH09.2.3.6
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,42	7,43	7,40	7,41
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	126	125	127	127
5	Clo dư tự do ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,2	0,3	0,2	0,4
6	Độ đục ^(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,37	0,34	0,38	0,34
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,05	0,08	0,08	0,08
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	90	90	90	90
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,02	0,02	0,02	0,02
12	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,3	1,3	1,3	1,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					VH09.2.3.3	VH09.2.3.4	VH09.2.3.5	VH09.2.3.6
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,003	0,003	0,003	0,003
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	5	5	5	5
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187- 2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187- 2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
Dấu (-) là không có đơn vị tính;
Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Minh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 2- Trạm Phú Thái.						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	PT09.2.2: Nước bể chứa trạm Phú Thái PT09.2.3: Nước vòi hộ dân đội 2 thôn Văn Dương, xã Phú Thái. PT09.2.4: Nước vòi hộ dân thôn ngõ 18 Đồng Tâm, xã Phú Thái.						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/9/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Phạm Thị Thanh An						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/9/2025 ÷ 19/9/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	PT09.2.2	PT09.2.3	PT09.2.4
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	1	1	1
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0-8,5	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	6,92	6,97	6,99
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	114	117	113
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,6	0,4	0,3
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,31	0,42	0,45
				2	0,16	0,16	0,16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
 - Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					PT09.2.2	PT09.2.3	PT09.2.4
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,08	0,08
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,003	0,003	0,003
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,1	1,1	1,1
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,004
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	8	8	8
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09

Trang 2/3



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đào Vũ Phương Dung

Đặng Hữu Dũng



Vũ Văn Nhân



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 2- Trạm Kinh Môn.						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	KM09.2.2: Nước bể chứa trạm Kinh Môn KM09.2.3: Nước vòi hộ dân ngõ 72 phố Giáp Sơn, phường Kinh Môn. KM09.2.4: Nước vòi hộ dân số 187 Nguyễn Đại Năng, phường Kinh Môn.						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/9/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Phạm Thị Thanh An						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/9/2025 ÷ 19/9/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					KM09.2.2	KM09.2.3	KM09.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng (6,0 – 8,5)	7,00	6,97	6,95
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	116	117	117
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng (0,2 – 1,0)	0,5	0,3	0,3
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,28	0,35	0,41
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
 - Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					KM09.2.2	KM09.2.3	KM09.2.4
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,09	0,09	0,09
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100	100	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,002	0,002	0,002
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,2	1,2	1,2
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,005	0,005
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	8	8	8
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	75	75	75
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Số/No: 09.2025

NGƯỜI LẬP

Đào Vũ Phương Dung

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

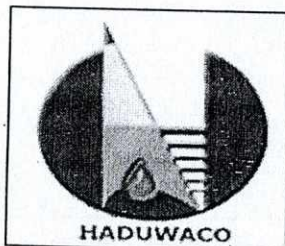
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 3- trạm Ninh Giang						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	NG09.2.2: Nước bể chứa Trạm Ninh Giang NG09.2.3: Đội , Thượng Đồng, xã Ninh Giang, Tp Hải Phòng NG09.2.4: Đồng Hội, xã Khúc Thừa Dụ, tp Hải Phòng						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/09/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Hoàng Thị Vân						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	15/09/2025 ÷ 20/09/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NG09.2.2	NG09.2.3	NG09.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1
2	Mùi (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0-8,5	7,05	7,01	7,00

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2024/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NG09.2.2	NG09.2.3	NG09.2.3
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	114	114	111
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,7	0,6	0,4
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,34	0,35	0,32
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,08	0,08
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	102	102	102
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,011	0,011	0,011
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,3	1,3	1,3
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,006	0,006	0,006
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	10	10	10

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2024/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NG09.2.2	NG09.2.3	NG09.2.4
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636- 1:2000	mg/L	200	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187- 2:1996	MPN/100 mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187- 2:1996	MPN/ 100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2024/HD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đạt Khởi

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI PHÒNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT VI LAS 1290
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Hòa, Quận Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.835.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No:09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample		Nước sạch, Trạm Đồng Lạc - Chi nhánh số 4				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer		ĐL09.2.2: Nước bể chứa Trạm Đồng Lạc; ĐL09.2.3: Nước vòi hộ dân KDC Trụ Hạ, P. Lê Đại Hành.				
3. Mô tả mẫu/Description		Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving		16/09/2025.				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler		Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff		Trần Phương Thảo.				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time		16/09/2025 ÷ 20/09/2025.				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					ĐL09.2.2	ĐL09.2.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0
2	Mùi,vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	6,89	6,88
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	107	107
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,60	0,50
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,14	0,10
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16
8	Amoni(NH ₃ va NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,07	0,07
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	92	92
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,019	0,022
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					DL09.2.2	DL09.2.3
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,0	1,1
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	7	7
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	85	85
17	Coliform (#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Nguyễn Thị Mai Anh

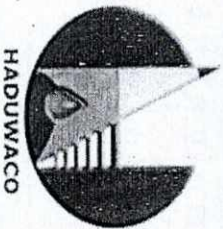
Đặng Hữu Dũng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Và Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI PHÒNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VH/AS/1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Thái, Quận Hồng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample		Nước sạch, Trạm Hoàng Tân - Chi nhánh số 4				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer		HT09.2.2: Nước vôi trạm Hoàng Tân HT09.2.3: Nước vôi hộ dân KDC Đại Tân, P Trần Nhân Tông.				
3. Mô tả mẫu/Description		Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving		16/09/2025				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler		Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff		Trần Phương Thảo.				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time		16/09/2025 ÷ 20/09/2025				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	6,88	6,90
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	99,5	100
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225- 2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,20	0,20
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,20	0,28
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method TCVN	mg/L	0,3	0,03	0,03
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	80	80
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method TCVN	mg/L	0,1	0,010	0,011
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					HT09.2.2	HT09.2.3
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,6	1,7
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005	0,005
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	6	7
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	85	85
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
 - Dấu (-) là không có đơn vị tính;
 - Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Mai Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No:09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch, Nhà máy nước sạch Văn An, P.Chu Văn An				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	VA09.1.2: Nước bể chứa nhà máy nước sạch Văn An				
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/09/2025.				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Cán bộ kỹ thuật chi nhánh số 4 lấy và gửi mẫu về.				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo.				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/09/2025 ÷ 20/09/2025.				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result					
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					VA09.1.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	6,86
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	104
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,60
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,16
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	86
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,010
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					VA09.1.2
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,5
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,005
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	6
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	85
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Mai Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

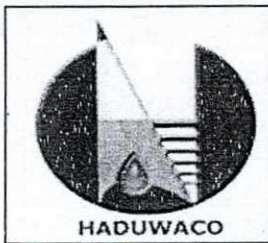
Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No:09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch, Trạm Phả Lại - Chi nhánh số 4				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	PL09.2.2: Nước bể chứa Trạm Phả Lại.				
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/09/2025.				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo.				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/09/2025 ÷ 20/09/2025.				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result					
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					PL09.2.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	4
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	6,85
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	110
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,30
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,49
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	80
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,011
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					PL09.2.2
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,5
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	7
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
 - Dấu (-) là không có đơn vị tính;
 - Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Mai Anh

Đặng Hữu Dũng

Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KÝ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No.:09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample		Nước sạch, Trạm Sao Đỏ - Chi nhánh số 4				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer		SD09.2.2: Nước bể chứa Trạm Sao Đỏ (KDC Thái Học 1, P. Chu Văn An, TP Hải Phòng); SD09.2.4: Nước vòi hộ dân, KDC Vĩnh Đại, P. Trần Nhân Tông, TP Hải Phòng.				
3. Mô tả mẫu/Description		Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving		16/09/2025				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler		Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff		Trần Phương Thảo.				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time		16/09/2025 ÷ 20/09/2025.				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCVN 01- 1:2024/BYT Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					SD09.2.2	SD09.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,03	7,13

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
- Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
- The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
- Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					SD09.2.2	SD09.2.4
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	102	101
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,40	0,30
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,18	0,14
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,05	0,06
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	88	88
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,011	0,014
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,01
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,0	1,3
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	6	5

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
- Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
- The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
- Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					SĐ09.2.2	SĐ09.2.4
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	85	85
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.



Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Mai Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

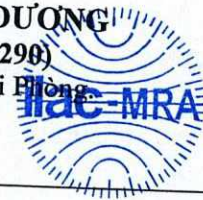


Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
- Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
- The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
- Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 5						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	THK09.2.2: Nước bể chứa chi nhánh 5 THK09.2.3: Mẫu nước vòi hộ dân 193 Trần Quang Diệu, phường Tân Hưng. THK09.2.4: Mẫu nước vòi hộ dân 23/88 Chi Các, phường Việt Hoà.						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	18/9/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Hoàng Thị Vân						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	18/9/2025÷30/9/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					OZ09.2.2.2	OZ09.2.3.4	OZ09.2.3.5
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	2	2	2
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	6,92	6,99	7,00

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					OZ09.2.2.2	OZ09.2.3.4	OZ09.2.3.5
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	110	112	111
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,7	0,3	0,5
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,43	0,46	0,45
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,05	0,05	0,05
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	96	96	96
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,025	0,025	0,025
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8	1,8	1,8
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,004

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	9	9	9
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100 mL	<1	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100 mL	<1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú:

Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

Dấu (-) là không có đơn vị tính;

Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCVN 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

NGƯỜI LẬP

Anh

Bùi Thị Hoài Anh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Huu

Đặng Hữu Dũng

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/ <i>Name of sample</i>	Nước sạch chi nhánh KDNS số 6 - Trạm Hoàng Diệu					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ <i>Name/Address of customer</i>	HH09.2.2: Nước bể chứa Trạm Hoàng Diệu HH09.2.3: Nước vòi hộ dân thôn Phương Khê, xã Gia Phúc.					
3. Mô tả mẫu/ <i>Description</i>	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/ <i>Date of receiving</i>	15/9/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/ <i>Sampler</i>	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/ <i>Testing staff</i>	Bùi Thị Hoài Anh					
7. Thời gian thử nghiệm/ <i>Testing time</i>	15/9/2025÷20/9/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/ <i>Test result</i>						
TT No.	Tên chỉ tiêu <i>Parameters</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả <i>Result</i>	
					HH 09.2.2	HH 09.2.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,03	7,02
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	119	119
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,60	0,50
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,20	0,26
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,05	0,01
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	92	96
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,019	0,024
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					HH 09.2.2	HH 09.2.3
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8	2,0
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,003	0,004
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	8	8
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	75	75
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025.

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Vân

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1290
BM 12.01

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Phúc Hưng (Tứ Kỳ)				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	PH09.1.2: Nước bể chứa trạm Chí Minh.				
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/9/2025				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Cán bộ kỹ thuật Công ty cấp nước Phúc Hưng lấy và gửi mẫu về.				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	15/9/2025÷20/9/2025				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result					
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result PH 09.1.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	2
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,02
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	118
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,70
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2017	NTU	2	0,18
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,05
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	100
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,019
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					PH 09.1.2
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	9
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	75
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025.

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Vân

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đồng, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 6 – Trạm Thạch Khôi					
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	THK09.2.3: Mẫu nước vòi 335 Nguyễn Chế Nghĩa, xã Gia Lộc. THK09.2.4: Mẫu nước vòi hộ dân thôn An Tân, xã Gia Lộc.					
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.					
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/9/2025					
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.					
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh					
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	15/9/2025÷20/9/2025					
8. Kết quả thử nghiệm/Test result						
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					THK 09.2.3	THK 09.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	Có mùi Clo
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	6,95
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	6,98	Có mùi Clo
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	118	120
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,40	0,40
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,19	0,29
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,11
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	92	92
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,041	0,024
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result	
					THK 09.2.3	THK 09.2.4
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8	1,8
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,003	0,007
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	8	8
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	75	75
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025.

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Vân

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 6 - Trạm Tứ Kỳ				
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	TK09.2.3: Nước vòi hộ thôn Tam Xuyên, xã Chí Minh.				
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.				
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/9/2025				
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu .				
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Nguyễn Thị Mai Anh				
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/9/2025÷20/9/2025				
8. Kết quả thử nghiệm/Test result					
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result TK 09.2.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	6,96
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	115
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,60
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2017	NTU	2	0,22
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,06
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	98
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,017
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result
					TK 09.2.3
13	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,8
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	8
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	75
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 3	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH

Ghi chú:

- Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025.

NGƯỜI LẬP

Hoàng Thị Vân

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

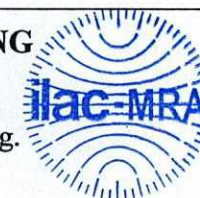
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 7						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	TH09.2.2: Nước bể chứa Trạm Thanh Hà TH09.2.3: Nước vòi hộ dân ở thôn 1 – xã Thanh Hà TH09.2.4: Nước vòi hộ dân ở thôn Hoàng Lại- xã Hà Tây						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/9/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Đào Vũ Phương Dung						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/9/2025 ÷ 18/9/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					TH09.2.2	TH09.2.3	TH09.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	1	3
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0–8,5	6,91	6,93	7,02
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	116	115	109
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,73	0,60	0,58
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,11	0,32	0,68
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCPĐ 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					TH09.2.2	TH09.2.3	TH09.2.4
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,03	0,03	0,04
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	94	94	94
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,033	0,033	0,035
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,03	0,03	0,04
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,3	1,3	1,4
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,002	0,002	0,003
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	7	7	8
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	75	75	75
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/ 100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BM 12.01

TEST REPORT

Số/No: 09.2025

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01 :2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Trần Phương Thảo

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ *Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ *The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 8
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	MT09.2.2: Nước bể chứa trạm Minh Tân. MT09.2.3: Nước vòi KDC Vạn Chánh, phường Nhị Chiểu. MT09.2.4: Nước KDC Phú Thứ, phường Nhị Chiểu.
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	16/9/2025
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Phạm Thị Thanh An
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/9/2025 ÷ 19/9/2025
8. Kết quả thử nghiệm/Test result	

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					MT09.2.2	MT09.2.3	MT09.2.4
1	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0
2	Mùi, vị ^(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0-8,5	6,96	6,95	6,91
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	119	111	111
5	Clo dư tự do ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,6	0,3	0,3
6	Độ đục ^(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,21	0,23	0,25
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
 - Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
 - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BM 12.01

TEST REPORT

Số/No: 09.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					MT09.2.2	MT09.2.3	MT09.2.4
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,08	0,08
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	102	102	102
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,003	0,003	0,003
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,3	1,3	1,3
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,004	0,004	0,004
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	16	16	16
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80
17	Coliform(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli (#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;

- Dấu (-) là không có đơn vị tính;

- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.

- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)

Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01:2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Đào Vũ Phương Dung

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Lần ban hành: 09



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 9- trạm Thanh Miện							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	TM09.2.2: Nước bể chứa trạm Thanh Miện. TM09.2.3: Hội Xá, xã Hồng Châu, Tp Hải Phòng TM09.2.4: Bể chứa Tăng Áp TM09.2.5: Hoà Bình, xã Thanh Miện, Tp Hải Phòng							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/09/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	15/09/2025÷20/09/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2024/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					TM09.2.2	TM09.2.3	TM09.2.4	TM09.2.5
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	2	2	2	2
2	Mùi(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,07	7,00	6,99	7,00

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					TM09.2.2	TM09.2.3	TM08.2.4	TM09.2.5
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	66,5	80,1	112	108
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,7	0,6	0,6	0,4
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,41	0,40	0,43	0,45
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,07	0,07	0,07	0,07
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	16	16	16	16
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,013	0,013	0,013	0,013
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,2	1,2	1,2	1,2
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,006	0,006	0,006	0,006
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	12	12	12	12

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					TM09.2.2	TM09.2.3	TM09.2.4	TM09.2.5
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	MPN/10 0mL	< 3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2 :1996	MPN/ 100mL	< 1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Đạt Khởi

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Chi nhánh KDNS số 10 - Trạm Bình Giang							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	BG09.2.2: Bể chứa Vĩnh Hồng BG09.2.3.1: Mẫu mạng Xã Đường An BG09.2.3.2: Mẫu mạng Xã Kê Sặt BG09.2.3.3: Mẫu mạng Xã Bình Giang							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/9/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Cán bộ kỹ thuật chi nhánh số 10							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	16/9/2025÷30/9/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					BG09.2.2	BG09.2.3.1	BG09.2.3.2	BG09.2.3.3
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	1	1	1	1
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					BG09.2.2	BG09.2.3.1	BG09.2.3.2	BG09.2.3.3
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,41	7,43	7,39	7,41
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	125	124	125	126
5	Clo dư tự do ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,5	0,2	0,2	0,2
6	Độ đục ^(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,37	0,41	0,40	0,42
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,08	0,08	0,08
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	90	90	90	90
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,02	0,02	0,02	0,02
12	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,02	0,02	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,3	1,3	1,3	1,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					BG09.2.2	BG09.2.3.1	BG09.2.3.2	BG09.2.3.3
14	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,003	0,003	0,003	0,003
15	Sunphat (SO_4^{2-} tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	5	5	5	5
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH



Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
Dấu (-) là không có đơn vị tính;
Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp;

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCĐP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Minh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290
BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Chi nhánh KDNS số 10 - Trạm Cẩm Giàng							
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	CG09.2.2.1: Bể chứa Cẩm Giàng CG09.2.2.2: Bể chứa Kim Giang CG09.2.3.1: Mẫu mạng KCN VISIP CG09.2.3.2: Mẫu mạng KCN TÂN TRƯỜNG							
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch – Đóng trong chai nhựa 500 ml.							
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	15/9/2025							
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm kiểm tra và lấy mẫu							
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Trần Phương Thảo							
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	15/9/2025÷30/9/2025							
8. Kết quả thử nghiệm/Test result								
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					CG09.2.2.1	CG09.2.2.2	CG09.2.3.1	CG09.2.3.2
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	0	0	0	1
2	Mùi, vị(*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCDP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					CG09.2.2.1	CG09.2.2.2	CG09.2.3.1	CG09.2.3.2
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng 6,0 – 8,5	7,37	7,39	7,42	7,40
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	124	126	124	125
5	Clo dư tự do ^(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng 0,2 – 1,0	0,6	0,6	0,4	0,3
6	Độ đục ^(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,31	0,34	0,38	0,38
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,32	0,32	0,32	0,32
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH 385 Method	mg/L	0,3	0,08	0,08	0,08	0,08
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	14,2	14,2	14,2	14,2
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	90	90	90	90
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,01	0,01	0,02	0,02
12	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,01	0,01	0,02	0,02
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,3	1,3	1,3	1,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
 Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
 Điện thoại Lab: 02203.833.966

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result			
					CG09.2.2.1	CG09.2.2.2	CG09.2.3.1	CG09.2.3.2
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,003	0,003	0,003	0,003
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	5	5	5	5
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	80	80	80	80
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<3	KPH	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100 mL	<1	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
 Dấu (-) là không có đơn vị tính;
 Chỉ tiêu đánh dấu ^(#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 KPH-Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại Lab: 02203.833.966

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2021/HD – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Bùi Thị Minh

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/
Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966



VILAS 1290

BM 12.01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No: 09.2025

1. Tên mẫu/Name of sample	Nước sạch chi nhánh KDNS số 11- trạm Nam Sách.						
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ Name/Address of customer	NS09.2.2: Nước bể chứa Trạm Nam Sách. NS09.2.3: Nước vòi hộ dân số 305 Trần Phú, xã Nam Sách, TP. Hải Phòng. NS09.2.4: Nước vòi hộ dân thôn Mạn Đề, xã Trần Phú, TP. Hải Phòng.						
3. Mô tả mẫu/Description	Nước sạch - đóng trong chai nhựa 500 ml.						
4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving	17/9/2025						
5. Người lấy/gửi mẫu/Sampler	Nhân viên xét nghiệm đi kiểm tra và lấy mẫu.						
6. Nhân viên thử nghiệm/Testing staff	Đào Vũ Phương Dung						
7. Thời gian thử nghiệm/Testing time	17/9/2025						
8. Kết quả thử nghiệm/Test result							
TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NS09.2.2	NS09.2.3	NS09.2.4
1	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	Pt-Co	15	2	1	1
2	Mùi, vị (*)	CL.HD.PP03	-	Không có mùi, vị lạ	Có mùi Clo	Có mùi Clo	Có mùi Clo
3	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	Trong khoảng (6,0 – 8,5)	7,02	6,96	6,98
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW 2540 C	mg/L	1000	113	108	108
5	Clo dư tự do(*)	TCVN 6225-2:2012	mg/L	Trong khoảng (0,2 – 1,0)	0,4	0,4	0,4
6	Độ đục(*)	SMEWW 2130.B:2023	NTU	2	0,38	0,26	0,29
7	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	0,16	0,16	0,16
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	HACH385 Method	mg/L	0,3	0,05	0,05	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameters	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	QCĐP 01:2021/HD Ngưỡng giới hạn cho phép	Kết quả Result		
					NS09.2.2	NS09.2.3	NS09.2.4
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	250	21,3	21,3	21,3
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	300	94	94	94
11	Mangan (Mn)	HACH 290 Method	mg/L	0,1	0,019	0,020	0,023
12	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	TCVN 6177:1996	mg/L	0,3	0,04	0,03	0,03
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	HACH 355 Method	mg/L	2	1,4	1,3	1,6
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	HACH 371 Method	mg/L	0,05	0,002	0,003	0,003
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻ tính theo S)	HACH 680 Method	mg/L	250	8	7	7
16	Độ kiềm Natri (Na)	TCVN 6636-1:2000	mg/L	200	75	75	75
17	Coliform ^(#)	TCVN 6187-2:1996	CFU/100mL	< 3	KPH	KPH	KPH
18	E.Coli ^(#)	TCVN 6187-2 :1996	CFU/100mL	< 1	KPH	KPH	KPH

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG
BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM - PHÒNG KỸ THUẬT (VILAS 1290)
Số 1, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Đông, Thành Phố Hải Phòng.
Điện thoại Lab: 02203.833.966

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BM 12.01

Số/No: 09.2025

Ghi chú: - Dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận VILAS;
- Dấu (-) là không có đơn vị tính;
- Chỉ tiêu đánh dấu (#) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới LOD); LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết luận: Kết quả thử nghiệm đạt theo **QCĐP 01:2021/HD** – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tỉnh Hải Dương.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thanh An

PHÓ PHÒNG KỸ THUẬT

Đặng Hữu Dũng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Nhân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ phận xét nghiệm/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.